TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **14**/2025/DS-ST Ngày: 20/01/2025. V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1965 luật sư văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh V1, sinh năm 1974; Địa chỉ: 4 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Trần Thị Ngọc B (nguyên đơn) và ông Lê Minh V1 (bị đơn) có quan hệ quen biết, nên bị đơn có vay tiền nguyên đơn các lần cụ thể:

Tháng 9/2020 bị đơn vay số tiền 600.000.000đồng và từ tháng 10/2020-11/2020 bị đơn vay thêm 200.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay 800.000.000đồng. Mục đích vay xây dựng xưởng gỗ.

Sau nhiều lần gia hạn đến ngày 28/02/2021 bị đơn viết giấy xin hẹn nợ, lãi suất mỗi tháng là 4.800.000đồng tương ứng 0.6%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 01/01/2023.

Nhưng đến hạn bị đơn mới trả 09 tháng tiền lãi tương ứng 43.200.000đồng. Số tiền gốc và lãi còn lại bị đơn không trả và tiếp tục viết giấy hẹn nợ đề ngày 27/8/2023 (theo chứng cứ khởi kiện), bị đơn thỏa thuận ngày 30/01/2024 bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn 50.000.000đồng tiền gốc, số tiền còn lại hạn cuối đến 10/3/2024 (tháng B1) sẽ trả hết nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện.

Việc bị đơn không trả gốc và lãi là vi phạm thỏa thuận. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 800.000.000đồng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận 4.800.000đồng/tháng kể từ ngày lập hợp đồng hẹn nợ ngày 27/8/2023 cho đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được sự đồng ý của nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu trả lãi, chỉ buộc bị đơn trả số tiền gốc. Đối với lãi suất không yêu cầu Tòa án giải quyết mà chỉ trả theo hình thức "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Khi vay các bên không giao tài sản làm tin, việc vay nợ chỉ thực hiện giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình hai bên.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về chi phí tố tụng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chi phí giám định chữ ký chữ viết bị đơn tạm ứng nộp; Đối với chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nguyên đơn tự nguyện nộp và cung cấp biên lai cho Tòa án nên không yêu cầu bị đơn trả lại.

* Bị đơn vắng mặt không có bản trình bày ý kiến cũng như lời khai cung cấp cho Tòa án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc 800.000.000đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 160, 220, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 800.000.000đồng tiền gốc.

+ Án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ngày 27/8/2023 bị đơn có viết giấy hẹn nợ tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ với nguyên đơn, nhưng quá thời hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện; vì vậy HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227, 228 để xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt nên không cung cấp được chứng cứ cũng như trình bày ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 800.000.000đồng theo chứng cứ giấy xin hẹn nợ ngày 27/8/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn.

Do bị đơn không tham gia tố tụng nên ngày 23/10/2024 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành quyết định trưng cầu giám định số: 65/2024/QĐ-TCGĐ đối với chữ ký, chữ viết của bị đơn theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, so sánh với mẫu chữ ký, chữ viết tại mẫu so sánh. Theo kết luận giám định số: 1763/KL-KTHS ngày 12/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Minh V1 dưới mục "người viết giấy" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Minh V1 dưới mục "người khai ký, ghi rõ họ tên" trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 do cùng một người ký và viết ra.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Ông Lê Minh V1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số D A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên hiện nay vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết. Vì vậy, ngày 15/11/2024 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

đã thông báo tìm kiếm ông V1 trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật như đến nay ông V1 vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào địa chỉ theo hợp đồng để xét xử vụ án là phù hợp.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX xét thấy, việc xác lập hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 800.000.000đồng là phù hợp.

[4.2] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất kể từ ngày 27/8/2023 đến thời điểm xét xử, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút đối với yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Đối với nội dung nguyên đơn trình bày số tiền lãi bị đơn đã trả trước thời điểm lập hợp đồng ngày 27/8/2023, nhưng do bị đơn không tham gia tố tụng nên không có căn cứ xem xét; sau này các bên có chứng cứ và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật của 800.000.000đồng là 36.000.000đồng và 4.860.000đồng chi phí giám định chữ ký chữ viết. Đối với chi phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nguyên đơn tự nguyện nộp không yêu cầu giải quyết là tự nguyện và phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B.

Buộc bị đơn ông Lê Minh V1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B số tiền là: 800.000.000đồng (*T trăm triệu đồng)* tiền gốc, không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lê Minh V1 có nghĩa vụ nộp 4.860.000đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B được nhận lại số tiền nêu trên sau khi thu được của ông Lê Minh V1.

- Về án phí:

+ Bị đơn ông Lê Minh V1 có nghĩa vụ nộp 36.000.000đồng *(Ba mươi sáu triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B được nhận lại số tiền 20.805.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2023/0012967 ngày 14/6/2024 (do ông Nguyễn Huy V nộp thay).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH